

QUẢN LÝ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

PGS. TS. Nguyễn Văn Phúc

CHƯƠNG 6

CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

cuu duong than cong. com

NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH

- Khái niệm và vai trò, vị trí của chuyển giao công nghệ
- Các kênh, các hình thức, các điều kiện chuyển giao công nghệ và sự lựa chọn công nghệ chuyển giao
- Các phương thức chuyển giao công nghệ và lựa chọn công nghệ chuyển giao
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ
- Phương pháp định giá và lựa chọn phương thức thanh toán cho công nghệ được chuyển giao

I- KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Khái niệm Chuyển giao công nghệ
2. Điều kiện chuyển giao công nghệ
3. Các hình thức chuyển giao công nghệ
4. Vai trò của chuyển giao công nghệ

KHÁI NIỆM CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Các khái niệm khác nhau:

- Chuyển giao công nghệ là việc đ- a kiến thức kỹ thuật ra khỏi ranh giới nơi sản sinh ra nó.
- Chuyển giao công nghệ là tập hợp các hoạt động th- ơng mại và pháp lý nhằm làm cho bên nhận công nghệ có đ- ợc năng lực công nghệ nh- bên giao công nghệ
- Chuyển giao công nghệ: Quá trình kép
 - Mua bán công nghệ, đào tạo, huấn luyện để có thể sử dụng công nghệ đ- ợc tiếp nhận.
 - Tiếp nhận công nghệ từ bên ngoài đi kèm với việc huấn luyện toàn diện của một bên và sự học hỏi, hiểu biết của một bên khác
- Luật chuyển giao công nghệ Việt Nam(2006) “chuyển giao công nghệ là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền giao công nghệ sang bên nhận công nghệ ”

ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1- Sở hữu công nghiệp

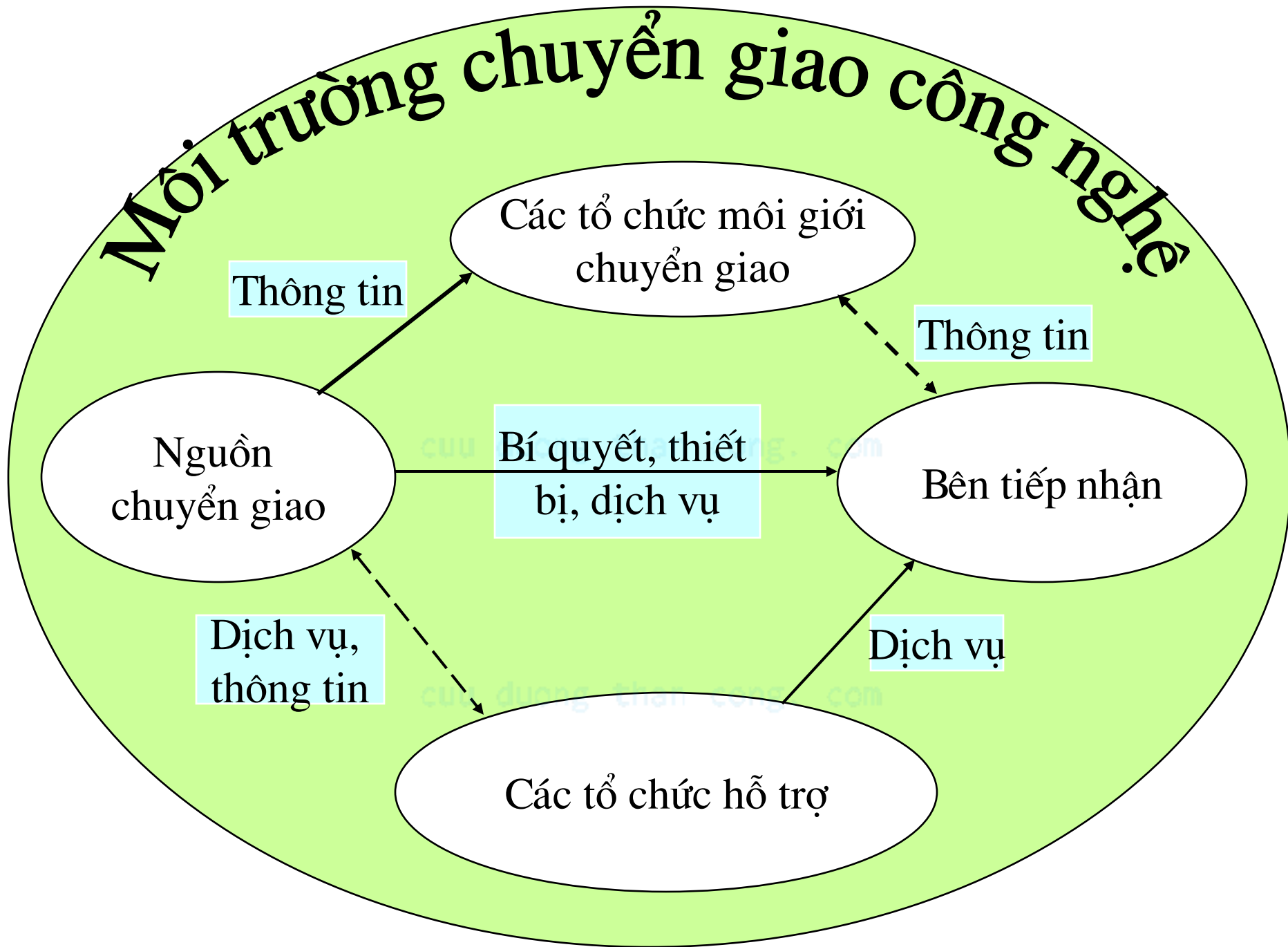
- Sáng chế
- Giải pháp hữu ích
- Kiểu dáng công nghiệp
- Nhãn hàng hoá
- Tên gọi xuất xứ hàng hoá

2- Bí quyết kiến thức kỹ thuật về công nghệ: Ph- ơng án công nghệ, các giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, phần mềm máy tính, tài liệu thiết kế, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật

3- Các dịch vụ

- Giải pháp hợp lý hoá sản xuất, đổi mới công nghệ
- Các hình thức dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ chuyển giao công nghệ
- Đào tạo,
- Thông tin

4- Máy móc, thiết bị, ph- ơng tiện kỹ thuật kèm theo một hoặc một số trong 4 đối t- ượng trên



VAI TRÒ CỦA CHUYỂN **GIAO CÔNG NGHỆ**

- Là khâu ứng dụng các thành tựu tiến bộ khoa học- Công nghệ vào sản xuất kinh doanh
- Là phương thức để thực hiện đổi mới công nghệ (đặc biệt có hiệu quả và nhanh chóng đối với các nước đang phát triển)
- Là biện pháp làm tăng nhanh và có hiệu quả năng lực và tiềm lực Khoa học- Công nghệ
- Chuyển giao công nghệ mang lại lợi ích cho cả bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao

Vai trò to lớn của các công ty đa quốc gia: thực hiện 80% ÷ 90% tổng số công nghệ được chuyển giao cho các nước đang phát triển

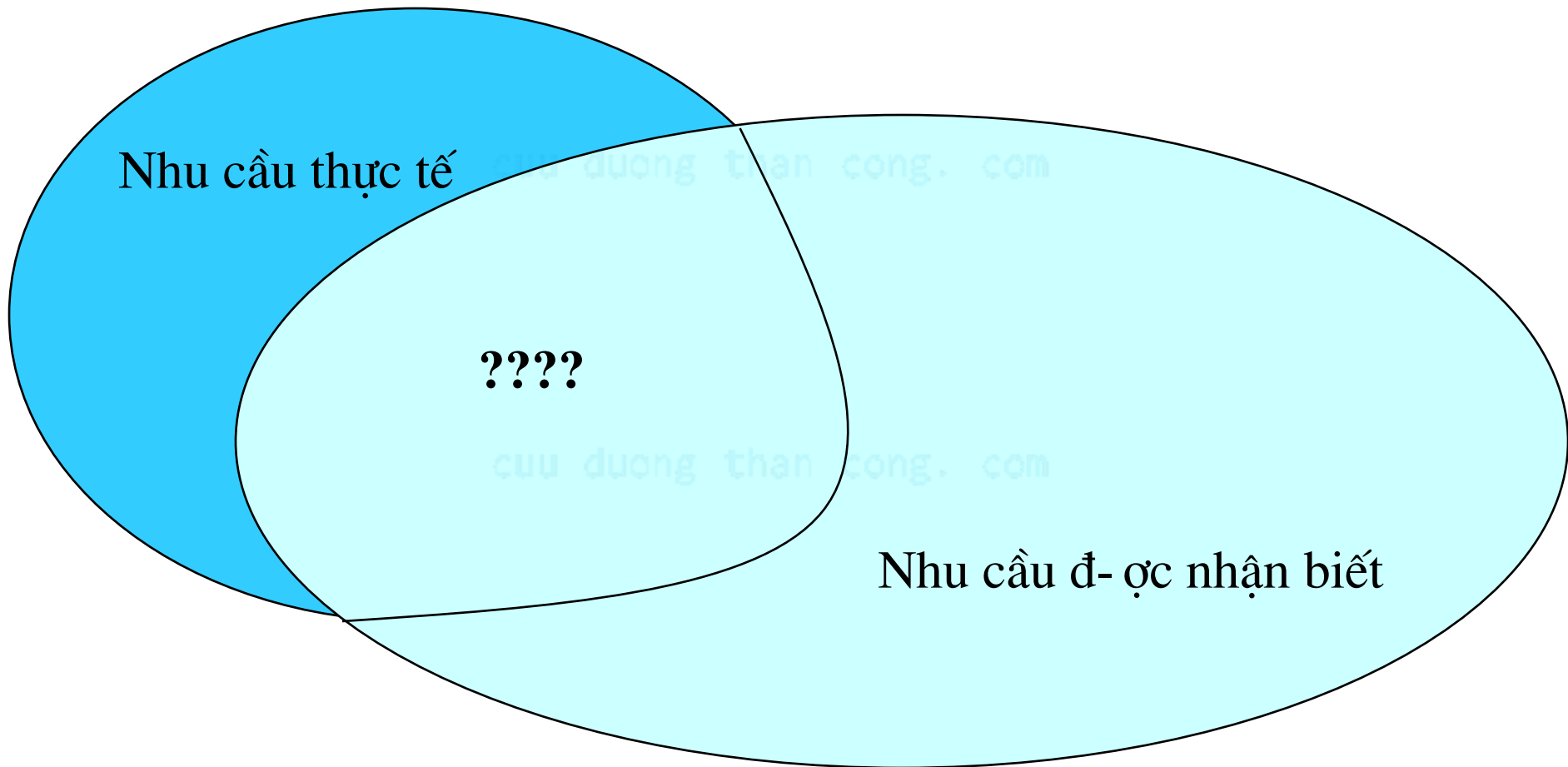
ĐIỀU KIỆN VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

- Nhu cầu đổi mới, chuyển giao công nghệ
- Thị trường công nghệ
- Động lực (lợi ích) của hai bên cung ứng và tiếp nhận công nghệ
- Năng lực công nghệ thực tế của bên chuyển giao và bên tiếp nhận công nghệ
- Điều kiện môi trường

NHU CẦU CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

- Nhu cầu
 - Nhu cầu thực tế
 - Nhu cầu đ- ọc nhận biết (vai trò của giới thiệu công nghệ và các triển lãm công nghệ)
- Quá trình nhận biết và đánh giá nhu cầu
 - Sự xuất hiện của sản phẩm mới/ tính năng mới
 - Phân tích cạnh tranh
 - Nghiên cứu thị tr- ờng
 - Nghiên cứu khoa học- công nghệ

NHU CẦU CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ



Bên cung

- Các nguồn cung
- Năng lực cung cấp
- Lợi thế so sánh/ nhu cầu và sức ép chuyển giao
- Tổ chức/liên kết

Bên cầu

- Các tổ chức có nhu cầu
- Nhu cầu thực sự và năng lực tiếp nhận
- Lợi thế so sánh
- Tổ chức/liên kết

Công nghệ

- Các công nghệ cùng loại
- Năng lực của công nghệ
 - Yêu cầu, điều kiện chuyển giao/ sử dụng
- Các đặc điểm khác

Hệ thống môi giới/ dịch vụ

- Số lượng và năng lực các cơ sở
- Chứng loại và năng lực cung cấp dịch vụ
- Lợi thế so sánh
- Tổ chức/ liên kết (network)

**THỊ TRƯỜNG
CÔNG NGHỆ
VÀ CÁC YẾU
TỐ CẦN XEM
XÉT**

ĐỘNG LỰC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ



YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

- Thích hợp với cơ sở hạ tầng kỹ thuật- công nghệ
- Phù hợp với chính sách, chủ trương và các quy định cụ thể của Nhà nước liên quan tới chuyển giao công nghệ
- Phù hợp với trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn cũng như- kỹ năng, kỹ xảo của đội ngũ cán bộ, công nhân viên
- Phải góp phần nâng cao trình độ công nghệ của đất nước
- Sử dụng tốt nhất các nguồn lực
- Không làm ph- ơng hại đến an toàn sản xuất và không làm hại môi trường tự nhiên và kinh tế- xã hội
- Đạt hiệu quả kinh tế- xã hội cao nhất

7 GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC QUA CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

- Giai đoạn 1: Tiếp nhận công nghệ nhập ngoại đơn thuần
- Giai đoạn 2: Tổ chức cơ sở hạ tầng một cách đơn giản nhằm hỗ trợ công nghệ nhập
- Giai đoạn 3: Tạo nguồn công nghệ trong n- ớc nhờ nhập linh kiện, thiết bị, nhà máy, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh ở trong n- ớc
- Giai đoạn 4: Mua sáng chế (Licence) công nghệ của n- ớc ngoài, nh- ng chế tạo sản phẩm trong n- ớc
- Giai đoạn 5: Sử dụng năng lực nghiên cứu/ phát triển trong n- ớc, tạo năng lực nội sinh, thích nghi hoá công nghệ nhập
- Giai đoạn 6: Sử dụng và phát triển khả năng R&D quốc gia để đổi mới công nghệ, sản phẩm cho thị tr- ờng nội địa, xây dựng tiềm lực xuất khẩu công nghệ, đảm bảo độc lập công nghệ quốc gia.
- Giai đoạn 7: Phát triển năng lực đổi mới công nghệ theo nhịp độ đổi mới sản phẩm và xuất khẩu công nghệ

KÊNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

| Nơi bán (nơi chuyển giao công nghệ) | Tính chất công nghệ | Nơi mua (Nơi nhận công nghệ) | Kênh chuyển giao |
|--------------------------------------|---|------------------------------|-------------------|
| Tổ chức nghiên cứu phát triển | Mới nghiên cứu thành công ch- a áp dụng vào sản xuất | Doanh nghiệp | Chuyển giao dọc |
| Doanh nghiệp | Đã áp dụng (đã làm chủ và đứng vững trong cạnh tranh) | Doanh nghiệp | Chuyển giao ngang |

CÁC PH- ƠNG THỨC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

- Mua bán giấy phép
- Hợp tác sản xuất
- Chuyển giao công nghệ có kèm đầu t- t- bản
 - + Các Công ty đa quốc gia đặt chi nhánh tại các n- ớc phát triển
 - + Thành lập xí nghiệp liên doanh với n- ớc ngoài hoặc xây dựng xí nghiệp 100% vốn n- ớc ngoài
 - Đầu t- trực tiếp n- ớc ngoài là hình thức có hiệu quả đối với cả bên bán và bên mua công nghệ
- Mậu dịch bù trừ
 - Kinh phí nhập công nghệ không phải trực tiếp trả bằng tiền mà là hoàn trả bằng sản phẩm
- Dịch vụ t- vấn
- Nhập “nhân tài công nghệ”

TRÌNH TỰ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1- Giai đoạn chuẩn bị

- Xây dựng đề án về chuyển giao công nghệ
- Thẩm định nhu cầu chuyển giao công nghệ
- Soạn thảo nghiên cứu khả thi

2- Giai đoạn thực hiện

- Chuẩn bị, đàm phán ký kết hợp đồng chuyển giao
 - Cần nắm đ- ọc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và danh mục công nghệ cấm chuyển giao
 - L- u ý các điều khoản không đ- ọc đ- a vào hợp đồng
- Thẩm tra, phê chuẩn các hợp đồng chuyển giao
- Tổ chức thực hiện

3- Giai đoạn nghiệm thu và sử dụng

NỘI DUNG HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Đối tượng hợp đồng, tên, đặc điểm công nghệ, nội dung công nghệ, kết quả chuyển giao áp dụng công nghệ
2. Chất lượng công nghệ, nội dung, thời hạn bảo hành công nghệ
3. Địa điểm, thời hạn, tiến độ chuyển giao công nghệ
4. Phạm vi, mức độ giữ bí mật công nghệ
5. Giá cả công nghệ và phương thức thanh toán
6. Trách nhiệm của các bên về bảo hộ công nghệ
7. Cam kết về đào tạo liên quan đến công nghệ được chuyển giao
8. Nghĩa vụ về hợp tác và thông tin của các bên
9. Điều kiện sửa đổi và huỷ bỏ hợp đồng
10. Trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng, thủ tục giải quyết tranh chấp
11. Phụ lục và những nội dung khác

NHỮNG ĐIỀU CẤM TRONG HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

- Bên nhận công nghệ phải mua/ tiếp nhận có điều kiện từ bên giao công nghệ hoặc tổ chức do bên giao công nghệ chỉ định một số đối tượng (Nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, xe cộ, sản phẩm trung gian, lao động giản đơn)
- Buộc bên nhận công nghệ tuân theo một số hạn mức (Quy mô sản xuất, số lượng sản phẩm/ nhóm sản phẩm cho một thời hạn nhất định, giá cả khối lượng và phạm vi tiêu thụ sản phẩm, chọn đại lý tiêu thụ/ đại diện thương mại của bên nhận công nghệ, ...)
- Hạn chế thị trường xuất khẩu của bên nhận công nghệ (quy định thị trường không được/ bắt buộc xuất khẩu, khối lượng, cơ cấu sản phẩm được xuất khẩu theo từng thị trường và từng thời điểm)
- Không cho nghiên cứu và phát triển tiếp công nghệ được chuyển giao hoặc tiếp nhận công nghệ tự từ các nguồn khác.
- Ngăn cấm bên nhận tự do sử dụng công nghệ sau khi hợp đồng hết hiệu lực hoặc sau khi hết thời hạn của những quyền sở hữu công nghiệp ghi trong hợp đồng

CĂN CỨ LỰA CHỌN CÔNG NGHỆ ĐỂ TIẾP NHẬN/ CHUYỂN GIAO

- H- ướng công nghệ (loại công nghệ) sẽ tiếp nhận hoặc chuyển giao
- Trình độ hay mức độ hiện đại của công nghệ sẽ tiếp nhận / chuyển giao
- Các hình thức chuyển giao
- N- ớc và công ty chuyển giao công nghệ

ĐÁNH GIÁ/ LỰA CHỌN CÔNG NGHỆ ĐỂ TIẾP NHẬN/ CHUYỂN GIAO

- Các kết quả đánh giá với công nghệ dự kiến sẽ chuyển giao
- Đánh giá mức độ đáp ứng các căn cứ, yêu cầu:
 1. Đáp ứng tốt yêu cầu
 2. Đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản
 3. Đáp ứng khá nhiều các yêu cầu
 4. Đáp ứng các yêu cầu ở mức hạn chế
 5. Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu
- Phương pháp áp dụng:
 - Cho điểm
 - Đánh giá cảm tính

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

- 1- Ban hành, tổ chức thực hiện và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chuyển giao công nghệ
- 2- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình, biện pháp, cơ chế chính sách thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ
- 3- Quản lý thống nhất hoạt động chuyển giao công nghệ
- 4- Hợp tác quốc tế về hoạt động chuyển giao công nghệ
- 5- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về chuyển giao công nghệ, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về chuyển giao công nghệ